

Số/ No.: 250313/ VCFM-ETFVN100

Tp. HCM Ngày 13 tháng 03 năm 2025
Ho Chi Minh City, 13 March 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước/ The State Securities Commission Of Vietnam
Sở Giao Dịch Chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh City Stock Exchange

1. Tên Công ty quản lý quỹ/Name of Fund management company:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital / VinaCapital Fund Management JSC (“VinaCapital”)

- Tên Quỹ ETF niêm yết/ Fund name: Quỹ ETF VinaCapital VN100
- Mã chứng khoán/ Stock code: **FUEVN100**
- Địa chỉ Trụ sở chính /Address: Lầu 17, Tòa Nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Head quarter address: 17th Floor, Sun Wah Tower, 115 Nguyen Hue Street, District 1, HCM city
- Điện thoại liên hệ/Tel.: (84 - 28) 3827 8535 Fax: (84 - 28) 3827 8536
- E-mail: irwm@vinacapital.com

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ năm 2024.

Annual Report on Fund management activities for the year 2024.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Quỹ ETF/ Công ty Quản Lý Quỹ vào ngày 13/03/2025 tại đường dẫn: <https://wm.vinacapital.com/> của quỹ ETF/ Công ty Quản Lý Quỹ.

This information was disclosed on the Company's/Fund's website on 13 March 2025 at: <https://wm.vinacapital.com/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ năm 2024.

Annual Report on Fund management activities for the year 2024.

Đại diện Công ty cổ phần Quản lý quỹ VinaCapital
Representative of VinaCapital Fund Management JSC

Người được ủy quyền CBTT

Person authorized to disclose information



Đinh Gia Ninh

Trưởng bộ phận Kiểm Soát Nội Bộ
Head of Internal Control

Số: 20250313/VCFM-ETFVN100-BC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2025
Hochiminh City, 13 March 2025

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ
ANNUAL REPORT ON FUND MANAGEMENT ACTIVITIES
Năm 2024
Year 2024

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
To: The State Securities Commission of Vietnam (SSC)

1. Thông tin về quỹ/ Information about the fund

a) Tên của quỹ, loại hình quỹ/ Fund name, fund type:

Tên của quỹ/ Fund name: **QUỸ ETF VINACAPITAL VN100/ VINACAPITAL VN100 ETF**

Loại hình quỹ/ Fund type: **Quỹ ETF/ Exchange-trade fund**

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ/ Investment objectives of the Fund:

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của Chỉ Số Tham Chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ Số Tham Chiếu là chỉ số VN100 do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ("SGDCK") xây dựng và quản lý như được mô tả chi tiết tại Bản Cáo Bạch. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đảm bảo mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của SGDCK là 10%.

The investment objective of the Fund is seeking to replicate the performance of the benchmark index after deducting the Fund's expenses. The benchmark index of the Fund is the VN100 index, which is developed and monitored by the Ho Chi Minh City Stock Exchange ("HOSE") as described in the Fund's prospectus. The Fund Management Company is responsible for ensuring that the tracking error does not exceed the maximum tracking error per HOSE's regulations which is 10%.

Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu lợi nhuận bám sát tỷ lệ lợi nhuận của Chỉ Số Tham Chiếu bằng cách đầu tư vào danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu thuộc Chỉ Số Tham Chiếu. Quỹ cũng sẽ đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các tài sản cố thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt, đảm bảo thu hồi vốn và mang về các khoản thu nhập cố định cho Quỹ. Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm khác nhau dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu Tư.

The Fund applies a passive investment strategy with the goal of tracking closely the rate of return of the benchmark index by investing in the securities basket of the benchmark index. The Fund will also invest in bills, bonds, valuable papers and other fixed income assets with good credit quality, ensuring capital recovery and earning fixed income for the Fund. The Fund has a flexibility in allocating investment assets depending on the market situation and investment opportunities at different times based on the assessment of the Fund Management Company aligned to the objective throughout the Fund's life which is to protect the interests of fund certificate holders.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ/ Investment horizon of the Fund:

không xác định thời hạn/ The Fund has an indefinite investment horizon.

d) Danh mục tham chiếu/ Benchmark index of the Fund: Danh mục chỉ số tổng thu nhập VN100/ the VN100 index.

e) Chính sách phân chia lợi nhuận/ Profit distribution policy of the Fund:

Quỹ thực hiện phân phối lợi nhuận theo quy định tại Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư, Điều lệ Quỹ và các quy định pháp luật về chứng khoán.

The Fund distributes its profits to fund certificate holders in accordance with Resolutions of General Meetings of Investors, the Fund Charter and prevailing securities regulations.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 29.300.000 chứng chỉ Quỹ("CCQ")/

The number of outstanding fund certificates as at 31 December 2024 : 29,300,000 fund certificates.

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ quỹ trong kỳ báo cáo (nếu có)/

Amendments to the Fund Charter during the reporting period:

Các nội dung thay đổi Điều lệ Quỹ năm 2024 đã được Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2023 của Quỹ ETF VinaCapital VN100 thông qua ngày 10/05/2024 (chi tiết các thay đổi Điều lệ Quỹ năm 2024 được đề cập trong tờ trình thay đổi Điều lệ Quỹ ETF VinaCapital VN100 đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VinaCapital ngày 10/05/2024 tại đường dẫn: <https://wm.vinacapital.com/> của quỹ ETF/ Công ty Quản Lý Quỹ).

The amendments to the Fund's Charter in 2024 were approved by the Annual General Meeting of Investors of the VinaCapital VN100 ETF for the financial year 2023 on 10 May 2024 (details of the amendments to the Fund's Charter in 2024 mentioned in the submission for the amendment of the Fund Charter, which was published on VinaCapital's website on 10 May 2024 at the following link: <https://wm.vinacapital.com/> of the ETF/Fund Management Company).

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo/

Details of the Resolutions of the General Meeting of Investors during the reporting period:

Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2023 của Quỹ ETF VinaCapital VN100 ngày 10/05/2024 đã thông qua các vấn đề: (1) báo cáo tình hình hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 của Quỹ; (2) báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của Quỹ; (3) phương án phân phối lợi nhuận của Quỹ năm 2023; (4) sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ; (5) thù lao cho các thành viên Ban Đại Diện Quỹ; (6) ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn tổ chức kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Quỹ; (7) ủy quyền cho Ban đại diện quỹ được quyết định một số vấn đề theo luật định (Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2023 của Quỹ đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VinaCapital ngày 10/05/2024 tại đường dẫn: <https://wm.vinacapital.com/> của quỹ ETF/ Công ty Quản Lý Quỹ).

The Annual General Meeting of Investors for the financial year 2023 of the VinaCapital VN100 ETF dated 10 May 2024, approved the following matters: (1) the report on the Fund's operational performance in 2023 and the operational plan for 2024; (2) the 2023 audited financial statements; (3) the Fund's 2023 profit distribution plan; (4) amendments and supplements to the Fund's Charter; (5) remuneration for the members of the Board of Representative; (6) authorization for the Board of Representative to select an auditing company to conduct the review of the semi-annual financial statements and the audit of the annual financial statements for the year 2024; (7) authorization for the Fund's Board of Representative to decide on certain matters in accordance with the law (The Resolution of the Annual General Meeting of Investors for the financial year 2023 was published on VinaCapital's website on 10 May 2024 at the following link: <https://wm.vinacapital.com/> of the ETF/Fund Management Company).

i) Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán/

Opinions of the supervisory bank about the contents specified in the Circular providing guidance on operations and management of securities investment funds.

Xin xem chi tiết tại Mục 4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát.

Please see details in Section 4. Report on the supervisory activities of the supervisory bank.

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ/ Reporting on operations of the Fund

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất, cụ thể/

Investment portfolio and net asset value of the Fund as of 31 December of the last 3 years, details as follow:

STT/ No.	Nội dung/ Items	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2022
	Danh mục đầu tư (% tổng tài sản)/ Investment portfolio (%total asset)	100,00%	100,00%	100,00%
1	- Cổ phiếu/ Equities	99,70%	99,57%	99,60%
2	- Các tài sản khác/ Other assets	0,30%	0,43%	0,40%

Danh mục đầu tư của Quỹ phân bổ theo ngành tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất như sau:

The Fund's investment portfolio allocation by sector as of 31 December of the last 3 years is as follows:

STT/ No.	Ngành/ Sectors (% NAV)	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2022
1	Tài chính/ Financials	49,74%	47,90%	46,60%
2	Bất động sản/ Real Estate	10,86%	12,80%	14,00%
3	Tiêu dùng thiết yếu/ Consumer Staples	7,46%	8,90%	12,00%
4	Công nghiệp/ Industrials	6,77%	7,80%	6,50%
5	Vật liệu/ Materials	7,77%	8,50%	7,20%
6	Tiêu dùng không thiết yếu/ Consumer Discretionary	6,07%	5,40%	5,60%
7	Công nghệ/ Information Technology	9,40%	6,20%	5,30%
8	Tiện ích/ Utilities	0,78%	0,90%	1,40%
9	Năng lượng/ Energy	0,97%	1,10%	1,10%
10	Tiền và tài sản khác/ Cash and other assets	0,18%	0,30%	0,20%
	TỔNG/ TOTAL	100,00%	100,00%	100,00%

STT/ No.	Nội dung/ Items	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2022
1	Giá trị tài sản ròng (VNĐ) Net asset value "NAV" (VND)	525.587.099.998	369.741.299.186	218.734.654.059
2	Giá trị tài sản ròng/một chứng chỉ quỹ (VNĐ) NAV per fund certificate (VND)	17.938,12	15.278,57	12.866,74
3	Số lượng chứng chỉ quỹ (CCQ) đang lưu hành Number of outstanding fund certificates (units)	29.300.000	24.200.000	17.000.000
4	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ cao nhất trong kỳ (VNĐ) NAV per fund certificate – highest during the period (VND)	18.207,90	16.662,78	20.526,01
5	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ thấp nhất trong kỳ (VNĐ) NAV per fund certificate – lowest during the period (VND)	15.263,13	12.709,79	11.222,25
6	Tổng thu nhập của quỹ (VNĐ), trong đó: Total income of the Fund (VND), in which:	73.015.439.585	47.629.922.575	(90.178.465.425)
	- Thu nhập thu được từ lợi tức chứng khoán (VNĐ) Dividend income (VND)	8.318.540.784	4.919.522.700	2.453.791.634
	- Tiền lãi được nhận (VNĐ)	3.372.001	2.885.625	3.279.626
	- Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư (VNĐ) Realized gains/(losses) from sales of investments (VND)	258.710.562	(8.162.466.419)	100.400.041
	- Thu nhập thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (VNĐ) Unrealized gains/(losses) from revaluation of investments (VND)	64.434.816.238	50.869.980.669	(92.735.936.726)
7	Lợi nhuận đã phân phối trên một chứng chỉ quỹ (VNĐ) Distributed profits per fund certificate (VND)	-	-	-
8	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ/giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%) Operating expenses/Average NAV during the period (%)	0,99%	1,09%	1,24%
9	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ (%) Turnover of investment portfolio during the period (%)	6,54%	8,01%	16,23%

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của Quỹ/ Fund's profits

Giai đoạn/ Period	Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN trong kỳ (VNĐ)/ Profits after Corporate Income Tax (VND)
01/01/2024 - 31/12/2024	68.478.721.427
01/01/2023 - 31/12/2023	44.506.997.185
01/01/2022 - 31/12/2022	(92.708.250.367)
01/01/2021 - 31/12/2021	(37.504.851.166)

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc
Other comparison criteria which must comply with the following rules:

Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty quản lý quỹ, được Ban Đại diện quỹ xem xét và thông qua, rà soát bởi Ngân hàng giám sát.

The methods and principles to determine asset value and profit are consistently applied, published, and appraised by another independent organization: the asset valuation method is prescribed in the Valuation Handbook which was prepared by the Fund Management Company, reviewed and approved by the Board of Representatives, and supervised by the Supervisory Bank.

Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập/ Data and figures are provided by an independent organization: Không có/ None.

d) Các thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

Past performance information of the Fund is for reference only and does not guarantee future investment returns for investors.

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ
Report on asset management activities of the Fund management company

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ không thay đổi Công ty quản lý quỹ.

Notes regarding change of the Fund Management Company: from 01 January 2024 to 31 December 2024, the Fund did not change its Fund Management Company.

b) Thuyết minh về việc Quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ)

Notes on the Fund's performance compared to its investment objectives (only required in the Fund's annual report):

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất kết quả hoạt động và sự biến động của chỉ số tổng thu nhập VN100. Từ ngày Quỹ được cấp giấy chứng nhận lập Quỹ đến khi kết thúc tháng 12/2024, Quỹ đã đạt được mục tiêu đề ra khi mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu chỉ ở mức thấp khoảng 0,39%.

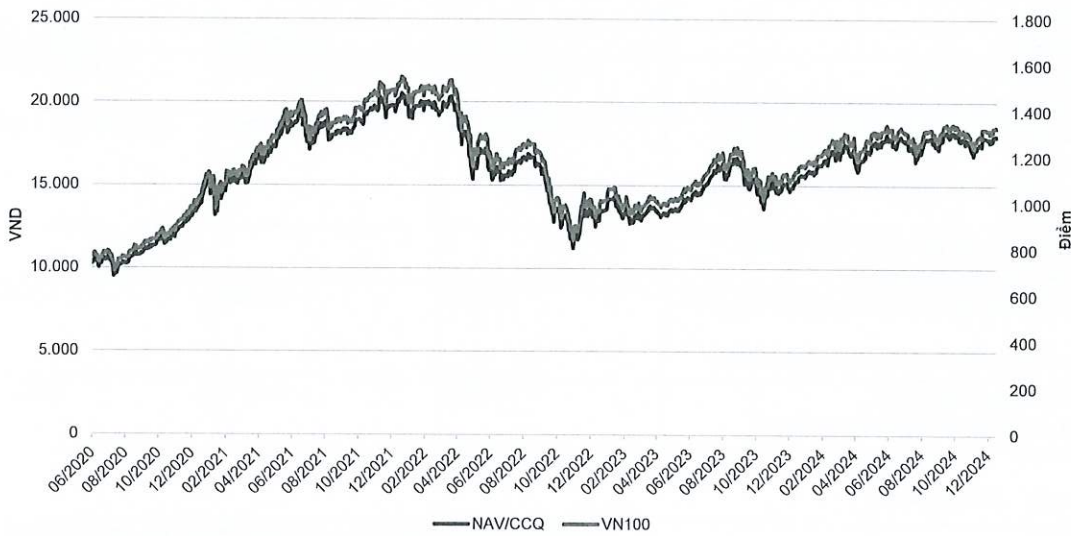
The Fund's objective is to closely replicate the performance and volatility of the VN100 total return index. From the establishment date to the end of December 2024, the Fund achieved its set objective as the tracking error was only at a low level of approximately 0.39%.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của Quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị):

Comparison of the Fund's performance with the benchmark's performance, and the underlying index published in the Fund Prospectus during the reporting period (by graph):

Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ số 44/GCN-UBCK vào ngày 16/06/2020, do đó dữ liệu được tính từ ngày 16/06/2020.

The Fund was granted the Fund Establishment Certificate No. 44/GCN-UBCK on 16 June 2020; therefore, the data is calculated from 16 June 2020.

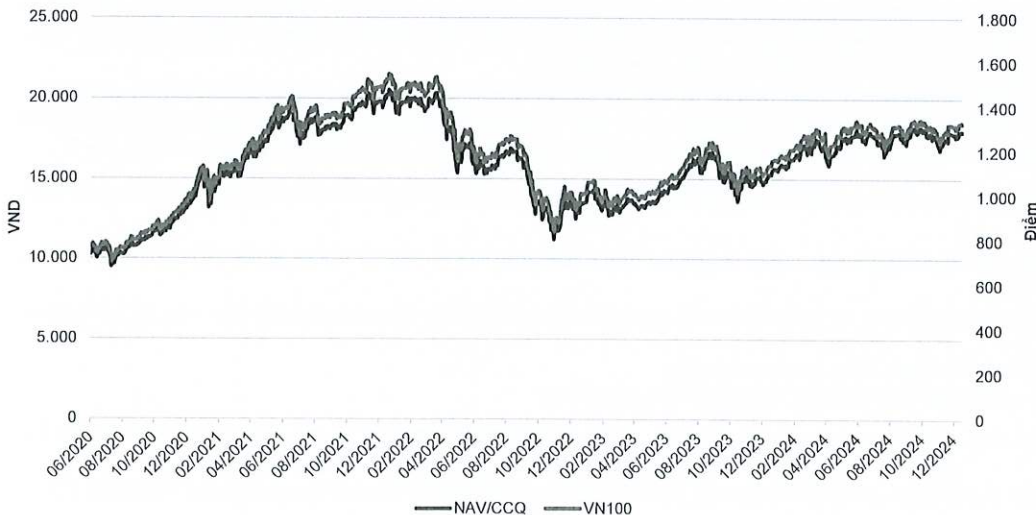


d) So sánh kết quả lợi nhuận của Quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị)

Comparison of the Fund's performance with the benchmark's performance, and the underlying index published in the Fund Prospectus over the last 5 years, up to the reporting date (by graph):

Quỹ mới được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ số 44/GCN-UBCK vào ngày 16/06/2020, do đó không có đủ cơ sở dữ liệu để thực hiện so sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất.

The Fund was only granted the Fund Establishment Certificate No. 44/GCN-UBCK on 16 June 2020; therefore, there is insufficient data to compare the Fund's return performance with the return performance of the benchmark portfolio and the underlying index over the past five (5) years.



e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà Quý đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ

Description of investment strategy and tactics the Fund employed during the reporting period. If the investment strategy and tactics applied in the period differ from those published in the Fund Prospectus, a supplemental explanation and evaluation of the advantages and disadvantages of the investment strategy and tactics applied during the period must be provided:

Quý sẽ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu lợi nhuận bám sát tỷ lệ lợi nhuận của Chỉ Số Tham Chiếu bằng cách đầu tư vào danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu thuộc Chỉ Số Tham Chiếu. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Quý phải phù hợp với danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Chỉ Số Tham Chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản theo quy định và bảo đảm mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu gần nhất không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE và quy định của Pháp Luật.

The Fund applies a passive investment strategy with the goal of tracking closely the rate of return of the benchmark index by investing in the securities basket of the benchmark index. The Fund will also invest in bills, bonds, valuable papers and other fixed income assets with good credit quality, ensuring capital recovery and earning fixed income for the Fund. The Fund has a flexibility in allocating investment assets depending on the market situation and investment opportunities at different times based on the assessment of the Fund Management Company aligned to the objective throughout the Fund's life which is to protect the interests of fund certificate holders.

Quý có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm khác nhau dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quý với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quý là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu Tư. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều Lệ Quý, Bản Cáo Bạch và quy định của pháp luật.

The Fund has the flexibility to allocate investment assets depending on market conditions and investment opportunities at different times based on the Fund Management Company's assessment with the overarching objective throughout the Fund's entire operation period to protect the interests of Investors. However, the allocation of investment assets must not exceed the investment restrictions stipulated in the Fund Charter, Fund Prospectus and legal regulations.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của Quý tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của Quý năm liền kề năm báo cáo

The Fund's investment portfolio on the reporting date compared to that as of end of the previous year:

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quý tại ngày 31/12/2024 không thay đổi nhiều so với cơ cấu danh mục đầu tư của Quý tại ngày 31/12/2023 khi tỷ trọng đầu tư vào cổ phiếu vẫn chiếm trên 99%, do Quý là loại hình quỹ hoán đổi danh mục mô phỏng theo chỉ số. *The Fund's investment portfolio structure as of 31 December 2024 did not change significantly compared to the Fund's investment portfolio structure as of 31 December 2023 given the investment ratio in stocks still accounted for over 99%, as the Fund is an exchange-traded fund that replicates the index.*

g) Phân tích kết quả hoạt động của Quý dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một CCQ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này và tại kỳ báo cáo gần nhất:

The Fund's performance comparison of NAV per fund certificate (after adjustment of the distributed profits, if any) at the end of this reporting period versus the previous reporting period:

Nội dung/ Items	31/12/2024	31/12/2023	Tỷ lệ thay đổi/ Change
NAV/CCQ cuối kỳ (VNĐ)	17.938,12	15.278,57	17,41%
NAV/fund certificate as at the end of the period (VND)			

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, NAV/CCQ tăng 17,41% so với thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 chủ yếu do giá thị trường của các khoản đầu tư của Quý tăng.

The Fund's NAV per ETF certificate as at 31 December 2024 increased by 17.41% as compared with as at 31 December 2023 mainly due to the increases in market price of the Fund's investments.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà Quý đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chips, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap)

Market review for the reporting period, including foreign markets in which the Fund invests, and information on investment returns for each asset class: equities, blue-chip stocks, and small-cap stocks, etc.:



Năm 2024, chỉ số VN-Index ghi nhận mức tăng 12,1%, đóng cửa ở 1.267 điểm. Mức tăng này được đánh giá là tương đồng với tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của các công ty niêm yết, dự kiến đạt khoảng 16% trong năm.
In 2024, the VN-Index recorded a 12.1% gain, closing at 1,267 points. This performance is considered consistent with the profit growth of listed companies, which is expected to reach approximately 16% for the year.

Thị trường chứng khoán ghi nhận diễn biến tích cực chủ yếu trong nửa đầu năm, khi chỉ số VN-Index tăng 10,2%. Thanh khoản trung bình hàng ngày trên cả ba sàn đạt 24,6 nghìn tỷ đồng. Tuy nhiên, trong nửa cuối năm, mức tăng của VN-Index chỉ đạt 1,7%, trong khi thanh khoản trung bình giảm 28% so với nửa đầu năm, xuống còn 17,6 nghìn tỷ đồng/ngày.
The stock market exhibited predominantly positive performance in the first half of the year, with the VN-Index increasing by 10.2%. The average daily liquidity across all three exchanges reached VND 24.6 trillion. However, in the second half of the year, the VN-Index posted a modest gain of only 1.7%, while average daily liquidity dropped by 28% compared to the first half, down to VND 17.6 trillion.

Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng mạnh mẽ trong suốt năm 2024, đạt mức kỷ lục. Tổng giá trị bán ròng trên cả ba sàn đạt 92,6 nghìn tỷ đồng. Ba cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất bao gồm VHM (19,4 nghìn tỷ đồng), VIB (8,3 nghìn tỷ đồng), và FPT (6,1 nghìn tỷ đồng). Vì vậy, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trên cả ba sàn giảm xuống còn 16,4% vào cuối năm 2024, mức thấp nhất trong nhiều năm qua.

Foreign investors engaged in record-high net selling throughout 2024. The total net selling value across all three exchanges amounted to VND 92.6 trillion. The top three stocks with the highest net selling were VHM (VND 19.4 trillion), VIB (VND 8.3 trillion), and FPT (VND 6.1 trillion). As a result, the foreign ownership ratio across all three Vietnamese stock exchanges fell to 16.4% by the end of 2024, the lowest level in many years.

Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến xu hướng bán ròng mạnh của nhà đầu tư nước ngoài là chênh lệch lãi suất giữa đồng USD và VND, cùng với áp lực tỷ giá USD/VND suốt cả năm. Tỷ giá USD/VND đã tăng 5% trong năm 2024, góp phần gia tăng dòng vốn rút khỏi thị trường.

One of the main drivers of this strong foreign net selling trend was the interest rate gap between the USD and the VND, coupled with persistent pressure on the USD/VND exchange rate throughout the year. The VND depreciated by 5% in 2024, further fueling capital outflows from the market.

i) Thông tin về việc chia, tách CCQ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách CCQ và giá trị tài sản ròng trên từng CCQ (trước và sau khi chia, tách): Quý không thực hiện việc chia tách CCQ trong kỳ

Information about fund unit split during the period (if any); the impact of fund unit split and Net Asset Value per fund certificate (before and after the split): The Fund did not carry out any fund unit split during the period.

j) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ CCQ: không có.

Events that may affect the rights of fund unit-holders: None.

k) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan: không có.

Transactions with related parties: None.

l) Các thông tin khác/ Other information: không có/none.

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát/ Reporting on operations of the Supervisory Bank

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ ETF VinaCapital VN100 ("Quỹ") cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý đảm bảo tuân thủ và phù hợp với Điều lệ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan, cụ thể:

We, appointed as the Supervisory Bank of VinaCapital VN100 ETF ("the Fund") for the period from 01 January 2024 to 31 December 2024, recognize that the Fund operated and was managed in the following matters:

a) Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ hoán đổi danh mục, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan;

The Fund's investment portfolio complied with investment limits under prevailing regulations for open-end fund, Fund Charter, Fund Prospectus and other relevant regulations;

b) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan;

The Asset Custody of the Fund units were carried out in accordance with Fund Charter, Fund Prospectus and other prevailing regulations;

c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan;

The Assets Valuation and Pricing of the Fund units were carried out in accordance with Fund Charter, Fund Prospectus, Valuation handbook approved by the Board of Representatives and other prevailing regulations;

d) Phát hành và hoán đổi Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan;

The Fund subscriptions and redemptions were carried out in accordance with Fund Charter, Fund Prospectus and other prevailing regulations;

e) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

For the period from 01 January 2024 to 31 December 2024, the Fund did not pay dividend to Fund Unit Holders.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền/ Reporting on authorized activities

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng... với các nội dung sau:

The Fund Management Company must prepare a report on assessment of quality of services provided by other organizations (authorized parties), such as transfer agent service, fund administration service, net asset value determination service, etc with the following details:

_ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa cung cấp dịch vụ quản trị quỹ
Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Nam Ky Khoi Nghia Branch provides the fund admin services

_ Tổng Công Ty Lưu ký Và Bù Trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng
Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation provides the transfer agent services

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ:
Fees paid to the authorized parties compared to the Fund's profit, income, and total operating expenses:

Chỉ tiêu/ Items	Chi phí (VNĐ) Expense (VND)	Tỷ lệ so với Lợi nhuận (*) trong kỳ (%) Percentage on Profit (*) during the period (%)	Tỷ lệ so với Thu nhập (**) trong kỳ (%) Percentage on Income (**) during the period (%)	Tỷ lệ so với Tổng chi phí hoạt động (***) trong kỳ (%) Percentage on Total operating expenses (***) during the period (%)
Giá dịch vụ quản trị quỹ trong kỳ <i>Fund admin fee during the period</i>	198.000.000	0,29%	0,27%	4,36%
Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng trong kỳ <i>Transfer agent fee during the period</i>	66.000.000	0,10%	0,09%	1,45%
Tổng chi phí cho hoạt động ủy quyền trong kỳ Total expenses for the authorized activities during the period	264.000.000	0,39%	0,36%	5,81%

(*) Lợi nhuận của Quỹ trong kỳ: 68.478.721.427 VNĐ

The Fund's profit in the reporting period: VND 68,478,721,427

(**) Thu nhập, doanh thu của Quỹ trong kỳ: 73.015.439.585 VNĐ

The Fund's income in the reporting period: VND 73,015,439,585

(***) Tổng chi phí hoạt động của Quỹ trong kỳ: 4.536.718.158 VNĐ

The Fund's total operating expenses in the reporting period: VND 4,536,718,158

b) Việc đăng ký sở hữu tài sản (đối với trường hợp công ty đầu tư chứng khoán bất động sản): không có
Registration of asset ownership (for real estate securities investment companies): None

c) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ: Chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể, do đó không ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ.

The impacts (if any) of authorized activities on the Fund's profit and risk level: The Fund's expenses increased due to fees paid to those authorized parties, but insignificantly, therefore, there is no impact on the Fund's operations.

d) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho Công ty quản lý quỹ)

Total expenses of authorized activities payable to the authorized parties (in case the authorized parties provide multiple services to the Fund Management Company):

Chỉ tiêu/ Items	Chi phí trong kỳ (VNĐ) Fee paid in the reporting period (VND)
Giá dịch vụ quản trị quỹ trong kỳ <i>Fund admin fee during the period</i>	198.000.000
Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng trong kỳ <i>Transfer agent fee during the period</i>	66.000.000
Tổng chi phí cho hoạt động ủy quyền trong kỳ Total expenses for the authorized activities during the period	264.000.000

e) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư:

Assessment on the authorized parties' ability to maintain internal control systems, risk management, security, technical and physical infrastructure, hot back-up systems, disaster recovery systems, etc. to ensure that delegated activities are carried out smoothly and do not affect investors' investment activities:

Các bên nhận ủy quyền đều đáp ứng được yêu cầu về hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật ..., do đó, đảm bảo quy trình nghiệp vụ được ủy quyền diễn ra thông suốt, không bị gián đoạn.

All authorized parties meet the requirements for internal control systems, risk management, security, technical and physical infrastructure, etc., therefore, the process of delegated activities are carried out seamlessly, without interruption.

Nơi nhận/ Recipients:

_ Như trên/ As above;

_ Lưu/ Records.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL
GENERAL DIRECTOR
OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY



Brook Colin Taylor